

PHẨM: ĐỆ TỬ

(Phần 3)

Ba là Phật sai ngài Đại Ca-diếp. Văn có hai phần: Phật sai thăm bệnh và Ca-diếp trả lời không kham nhận được.

- Sở dĩ Phật sai đi vì trong hàng Thanh văn, ngài có hạnh Đầu-đà bậc nhất. Ca-diếp là họ, Hán dịch là Quy, tức lấy họ làm tên, như ngài Mục-liên vậy. Nói đại (lớn) là do trí lớn, đức lớn hoặc tâm lớn, nên gọi là Đại Ca-diếp. Vì sao? Đó là căn tánh hàng Đại Bích-chi, xuất hiện ở đời không có Phật cũng có khả năng một mình được giác ngộ thành Bích-chi-ca-la. Nay đã gặp Phật làm hàng Thanh văn, trí tuệ ngài vượt trội hơn hết nên gọi là đại. Cũng do đức mà được gọi đại, là người Đầu-đà khổ hạnh bậc nhất, đức rất trọng đại nên gọi là đại. Hoặc do tâm mà được gọi đại, là trong hàng đệ tử Thanh văn, ngài có tâm từ bi lớn nên gọi Đại. Có người nói ngài là Tăng thượng tọa xem xét việc chúng, nên gọi là Đại Ca-diếp. Nếu xét đến chỗ cùng cực cho đến nêu năm nghĩa lợi ích, thì đại ý đều giống trước.

- Đáp lời không kham “Ca-diếp bạch Phật” trở xuống. Văn có bốn:

1. Đáp lời không kham.
2. Nói lý do không kham.
3. Chánh kể việc không kham.
4. Kết thành không kham.

a. Đáp lời không kham, do xưa bỏ giàu theo nghèo mà bị chê trách không đáp được, nên không kham lãnh ý chỉ Phật đến thăm bệnh.

* Nói lý do không kham Từ “Sở dĩ ... hành khát” là do khát thực. Khát thực tức một trong mười hạnh Đầu-đà. Giải nghĩa mười hai hạnh Đầu-đà có ba ý: Một là căn cứ sự lý của Bán tự. Hai là căn cứ sự lý của Mãn tự. Ba là căn cứ theo quán tâm. Đây đủ trong văn. Vì nhiều nên lược không kể lại đây. Có sư nói Tiểu thừa thấy lý gọi là nghèo. Nay xin hỏi, nếu nói lý nghèo là Tiểu thừa, thì ngài Thiện Cát “Tu-bồ-đề) theo giàu phải gọi là Đại thừa. Đã không phải Đại thừa thì nghĩa này đã hỏng. Nay theo quán giải căn cứ hai môn Hữu, Không. Ngài Ca-diếp do Hữu môn vào đạo, hữu môn là hạn cục hẹp hòi nên gọi là nghèo. Ngài Thiện Cát từ Không môn vào đạo vì Không môn rộng lớn nên gọi là giàu. Tuy là hữu - không khác nhau, nhưng đồng là Tam tạng giáo không liên quan chi đến Đại thừa. Nên Thành luận luôn luôn bài bác Tỳ-đàm, là ý ở đây vậy. sợ e người nhầm lẫn lấy làm quán hạnh sai kinh nên cần so sánh bác bỏ. Đây không phải nghĩa chánh của kinh

nên không cần phải chấp. Nay nói người nghèo đi xin ăn có hai ý: Lợi tha và Tự lợi.

Lợi tha: người có tâm từ bi thấy người nghèo hèn bèn ôm bát đến làm phước, khiến họ hiện đời chuyển báo ở kiếp sau sẽ khỏi khổ. Lại chúng sinh không khổ thì không cầu Niết-bàn, người gặp nghèo khổ tất dễ hóa độ, nên cần phải đến đó. Còn người giàu tham đắm hội vui không theo sự giáo hóa, đến đó chỉ kêu gọi cũng vô ích thôi.

Tự hành: Nhà giàu lâu các cao rộng cầu khó được và ắt khi ngừng mà bỏ sự nghiệp. Theo nghèo thì dễ không ngại gì. Lại người nghèo có quả báo kém, ăn uống đạm bạc nên không sinh tâm đắm nhiễm. Người giàu thì ăn uống ngon quý, đầy đủ, có nhiều thói tật trái hạnh Đầu-đà, không làm khuôn phép cho mọi người, vì thế, tình có lệch lạc đến nỗi bị chê trách, đó là lý do không kham đi thăm bệnh.

* Chánh kể việc bị chê trách Từ “Thời Duy-ma trở xuống. Văn có ba: Một là chê chung. Hai là chê riêng. Ba là kính trọng.

Chê chung:

Có tâm từ bi mà không ban khắp: ngài có tâm từ bi bậc nhất trong hàng Thanh văn. Như Lai khen ngợi và mời ngài cùng ngồi, chỉ vì từ bi của Tiểu thừa mà không khắp đủ. Lợi tha mà không bình đẳng. Vì bỏ giàu theo nghèo mà bị Đại sĩ trách. Vì Phật chế hạnh Đầu-đà khiến phải thứ lớp khát thực, nay bỏ giàu theo nghèo là trái ý chỉ Phật. Nếu vì hiện khổ cứu nghèo khiến ở vị lai được vui, thì giàu lại đam mê ham muốn chẳng biết tu, khi sắp đọa vào hố sâu sao chẳng đến hóa độ khiến đời sau được giàu tiếp. Nếu bỏ mà không hóa độ sao bảo là khắp từ bình đẳng. Nếu nói làm nhân giải thoát thì phải giàu nghèo cùng độ bình đẳng, độ đã không bình đẳng đâu thể thành khắp đủ. Nếu bảo người nghèo chán khổ dễ độ. Dễ độ vốn chỉ liên quan đến phước tuệ hà tất phải nghèo khổ. Nếu tự hành là dễ sao lại tiếc một thời gian ngắn để giáo hóa mà khiến người giàu mất lợi ích. Dầu để tâm giáo hóa kẻ giàu thì có hại chi đến tự hành. Nếu bỏ đạo pháp mà đến với kẻ nghèo thì cũng phải đến với người giàu. Nếu bỏ đạo pháp đến với người giàu có hại thì đến với kẻ nghèo cũng có hại, cả hai bên đều có hại thì sao đến một bên mà bỏ một bên. Vả lại, đối với pháp bình đẳng thì đối với ăn cũng phải bình đẳng, nếu ngon và không ngon đều bình đẳng mà pháp và ăn không bình đẳng thì có bao nhiêu hạnh đều không bình đẳng. Thế nên chê rằng có lòng từ bi mà không khắp đủ. Nay khi người khát thực quán hạnh phải làm theo lời của ngài Tịnh Danh.

Chê riêng: “Ca-diếp” trở xuống. Văn có bốn phần:

1. Trách khát thực tâm quấy.
2. Trách vào xóm tâm quấy.
3. Chỉ pháp chánh thực.
4. Kết khuyển.

Phần một có bốn:

- a. Phá Tiểu thừa chứng diệt.
- b. Phá biết khổ.
- c. Phá đoạn tập.
- d. Phá tu đạo.

Hỏi: Nếu căn cứ Tứ đế mà phá tâm quấy, thì nên trước đối khổ mà phá, sao lại đối diệt?

Đáp: Ngài Ca-diếp chứng Niết-bàn hữu dư đi khát thực mà tâm quấy, nên trước phải căn cứ vào diệt. Kế mới phá tâm xưa kế hợp vào việc bây giờ quả là tâm có sai trái, cho nên căn cứ ba đế còn lại để phá. Phải trụ vào pháp bình đẳng mà thứ lớp khát thực, là trước hết phá bỏ lý diệt chưa được bình đẳng, gặp việc lấy bỏ, đến nỗi trái pháp khát thực thứ tự. Nếu Bồ-tát được diệt đế lý bình đẳng, tức tâm làm bình đẳng xem như hư không, đối với các việc thiện và bất thiện đều dùng lòng từ, tức đối với giàu nghèo tâm không lấy bỏ hay thứ lớp mà tìm cầu. Đại Phẩm nói: Tu-bồ-đề bạch Phật trong tâm thứ lớp có hành Bát-nhã chăng? Phật đáp: Thường không lìa tâm Tát-bà-nhã làm hạnh sinh tu, tức là trụ vào pháp bình đẳng mà hay thứ lớp làm hạnh sinh tu, tức là ở lý trung mà thứ lớp cầu pháp hỷ thiền duyệt. Do bốn thù tích nên gặp việc đi khát thực, do tích hiển bốn nên thường làm bình đẳng. Như ngài Ca-diếp phá tám tà vào tám giải thoát, nhưng chỉ được pháp hỷ thiền duyệt của Tiểu thừa. Đây tức là bỏ tà lấy chánh sao được gọi là thứ lớp cầu pháp hỷ thiền duyệt. Bồ-tát tuy biết pháp tánh chân diệt bình đẳng mà không thể bỏ tám tà vào tám giải thoát, tức là thứ lớp cầu pháp hỷ thiền duyệt Đại thừa. Vì sao? Vì tâm Tát-bà-nhã từ thiền duyệt của phàm phu mà vào các định thế gian, lại vào định xuất thế gian của Nhị thừa, lại vào các thiền thượng thượng của Bồ-tát đều là Ma-ha Diễn đều không thể được, cho nên đối với mỗi mỗi thiền đều có một tâm ba trí mà được chân pháp hỷ. Đều có ba đế Tam-muội nên được chân thiền duyệt. Nên nói trụ pháp bình đẳng phải thứ lớp mà đi khát thực. Ấy là Bồ-tát làm thứ lớp, học thứ lớp, đạo thứ lớp. Kinh Pháp Hoa có nói: “Khéo thường thứ lớp tu tập các pháp lành.” Cho nên Bồ-tát khi thực hành hạnh Đầu-đà thì tâm đại bi bình đẳng như hư không. Chẳng xem giàu nghèo, tâm không lấy bỏ, căn cứ vào pháp khát thực mà thứ

lớp đi xin ăn. Ngài Ca-diếp nội tâm không được Vô duyên đại từ, không trụ vào bản hữu diệt để chân pháp bình đẳng cho nên không thể đối với các thiên chánh tà mà thứ lớp được pháp hỷ thiền duyệt của Đại thừa. Chỉ trụ vào diệt để thiên chân mà bỏ sinh tử, cho nên gặp việc đi khát thực thì tâm có lấy bỏ, bỏ giàu theo nghèo mà ngài Tịnh Danh trách là ý ở đây vậy.

Căn cứ ở biết khổ để phá: Vì không có ăn nên phải khát thực. Chỉ vì khổ để là thân ấm nhập nên cần phải khát thực để nuôi tánh mạng. Nếu ngài Ca-diếp không phá khổ để này vì cầu Niết-bàn mà theo pháp Không ăn, nên cần phải khát thực để nuôi sống thân hành đạo. Nếu phát nhân vô lậu vào vô dư như hư không tức là Không ăn. Nếu ở địa hữu học tuy phát vô lậu nhưng các kiết chưa hết, thì nhân không ăn chưa thành, có thể cho vì không ăn cho nên phải đi khát thực. Ngài Ca-diếp các kiết lậu đã hết, nhân ăn đã mất. Nếu là Không ăn thì chỉ bảy ngày không ăn liền nhập vô dư, tức không còn hoạn nạn về ăn uống, còn ngày ngày đi khát thực thì ý muốn làm gì. Nếu vì lợi sinh khiến được không ăn mà đi khát thực thì không nên bỏ nhà giàu và vào vô dư. Nếu Bồ-tát quán khổ vì lẽ không ăn nên phải đi khát thực, là muốn phá cái ăn sinh tử nội ngoại giới để cầu Vô thực Tam-muội Đại Niết-bàn, cho nên cần đi khát thực để nuôi thân mà tu nhân không ăn thì việc này không lỗi. Nếu vì hóa độ chúng sinh khiến được quả không ăn, thì giàu nghèo đều đến khát thực để độ đời, trọn không tắt mất mà vào Niết-bàn không ăn uống. Đây đều là quán tâm, không cần làm nữa.

Căn cứ ở đoạn tập mà phá “Vì hoại tướng hòa hợp nên phải nhận cách ăn đoàn thực”. Tập là phiền não hòa hợp tùy sự thọ báo, tức cần có bốn cách ăn. Vì Ca-diếp đoạn tập vốn phá sự hòa hợp này nên tìm cách ăn đoàn thực để nuôi thân mà quán hạnh. Nếu ở địa Hữu học mà tập hòa hợp chưa hết, có thể nên đi khát xin đoàn thực nuôi thân để đoạn cho hết. Nay chứng hữu dư tập hòa hợp đã hết, lại đi khát thực nuôi thân, là ý gì? Nếu nói là phá tập hòa hợp chúng sinh thì không nên bỏ nhà giàu và nhập vô dư. Bồ-tát không như thế, khi phá nội ngoại giới Tập để chưa hết, phải nhận cách đoàn thực để nuôi thân mà phá tướng hòa hợp. Nếu vì hóa độ người không nên lựa giàu nghèo, đều khiến họ như mình, không nên vội nhập Niết-bàn.

Căn cứ ở tu đạo mà phá “Vì không thọ mà thọ thức ăn”. Ngài Ca-diếp không vì được quả không ăn uống nhưng cần nhận ăn uống nuôi thân để tu đạo, thế thì có ăn mới sống, có thân mới có đạo. Như bậc Hữu học thì cho nhận thức ăn ấy để tu đạo không ăn. Nay đã ở bậc Vô học

nhân không ăn đã thành sao còn thọ nhận. Nếu vì lợi sinh khiến được nhân này thì không nên bỏ nhà giàu và nhập Niết-bàn. Nếu Bồ-tát vì tu Đạo để vô tác làm nhân không ăn, nên nhận thức ăn cầu nhập Niết-bàn là quả không ăn.. Nếu vì lợi sinh khiến họ được nhân quả không ăn, thì nên giàu nghèo đều thọ nhận. Lại chúng sinh chưa được nhân quả này nên thị hiện sống lâu trên thế gian để khiến họ được phước mà không nhập Niết-bàn.

Trách vào xóm tâm quay: “Vì tưởng xóm vắng...” trở xuống. Văn lại có hai phần nhỏ: Trách chung. Trách riêng.

-Trách chung là trách bỏ nhà giàu theo nhà nghèo, là trách khi vào xóm có tâm lấy bỏ. Vì sao? Vì khi vào xóm thấy có trần cấu, tức có phân biệt giàu nghèo, có sáu trần tốt xấu, cho nên sinh lỗi bỏ giàu theo nghèo, lòng từ bi không khắp, nhân đó mà bị quả trách.

Nếu vì tưởng xóm trống vắng mà vào xóm thì xóm trống vắng ở thế gian không có người vật tốt xấu khiến sinh lấy bỏ. Nếu có thể quán trần như thế thì không có giàu nghèo tốt xấu để có thương ghét mà có lánh bỏ, mà bị luận là làm mất lợi ích, thì đâu có lỗi lòng Từ không khắp đủ. Lại nếu theo sự mà giải thích thì nơi người vật tụ tập gọi là xóm làng. Còn theo lý mà giải thích thì căn là chỗ nương nhóm của trần và thức, gọi là xóm làng. Nên kinh Kim Quang Minh có nói: “làng sáu nhập là nơi giặc kết ở, tất cả tự ở đều không biết nhau.” Đại Phẩm cũng nói: Tất cả pháp đến nhãn cho tới đến ý, phải biết sáu căn là chỗ nương tựa của tất cả trần thức tốt xấu. Trên đây căn cứ chung về xóm làng ngoại đạo mà chê trách Ca-diếp trệ ngại nơi hữu, nay căn cứ sáu căn nói làng bên trong trách người quán không biết sáu căn mà có trệ ngại với trần nên bị lỗi lấy bỏ.

- Trách riêng “Sở kiếp”trở xuống, hễ người có phân biệt thì có yêu ghét. Mù, là Không thấy nên không lấy bỏ. Ngài Ca-diếp là Thánh nhân nhập quán duyên chân giống với người mù, khi xuất quán trở về duyên tục thì đồng với kẻ phàm phu. Vì có tình ý lấy bỏ nên ở trong sắc cũng sinh cái thấy giàu nghèo. Bồ-tát thì không như thế. Không bỏ đạo pháp đồng với cái thấy của phàm phu mà thấy sắc tức không, không còn phân biệt, nên đồng với người mù. Tuy không phân biệt mà hiểu rõ tất cả pháp là Không đồng với mù, vì tuy phân biệt mà không lấy bỏ, luôn từ tâm bình đẳng. Lại nữa, nếu biết tất cả pháp đến với nhãn, hiểu nhãn là xóm làng, tức được nhục nhãn thanh tịnh của Bồ-tát, thấy sắc khắp mười giới gọi là thấy không bị nhiễm trước, tức đồng với người mù. Đại kinh nói: “Người học Đại thừa tuy có nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn.”

Ấy là năm nhãn đầy đủ. Thấy sắc thô tế theo lý ba đế gọi là thấy mà thật không có gì thấy, tức đồng với người mù. Nên Đại Phẩm có nói: Ta dùng năm nhãn quán sát không thấy có ba nhóm chúng sinh, ấy là Không thấy mà thấy, không thấy nên đồng với người mù, mà thấy nên năm nhãn đầy đủ. Ấy là từ vô duyên bình đẳng trùm khắp. Năm nhãn thanh tịnh thấy mười pháp giới, cứu khổ ban vui, khắp đồng phước lợi, đâu có một chút tà vạy bên trong mà bỏ giàu theo nghèo. Thiết luân còn như thế, há Đồng luân sắp lên mà có thể so sánh được sao?

Từ “Sở văn đến trí chứng” đây là chê ngài Ca-diếp xuất quán vào xóm làng không hiểu rõ. Tiếng “không” là như tiếng vang trong hang, cho đến thân không nhận các xúc như dùng trí mà chứng, cho nên đến với bốn trần như tiếng v.v... của giàu nghèo mà sinh khó dễ, lấu xấu tốt khác đối với nhập quán chứng diệt định. Bồ-tát không như thế. Vì hiểu tánh của tai là Không, nên tiếng như âm vang, cho đến đối xúc cùng trí kế hợp lý cả hai đều không khác, ắt không có lý bỏ, lý lấy nên đối với nghèo giàu tình không lấy bỏ, một tướng từ tâm, phước lợi đồng khắp. Bồ-tát biết tất cả pháp đến tai đều bình đẳng, Thế thâu suốt tức không, cho đến không thấy có đến hay không đến, thân như gương sạch, cả y chánh mười giới đều hiện trong thân. Rộng như trong kinh Pháp Hoa nói về sáu căn thân thanh tịnh rất đầy đủ, căn cứ vào sắc mà biết.

Từ “Tri chư... đến vô diệt”, là chê ngài Ca-diếp không biết ý căn tức không, các pháp như huyễn, cho nên phân biệt nghèo giàu khó dễ khác nhau. Giàu thì oai nghi lễ tiết rắc rối khó gần, nghèo thì hèn hạ sơ sài tới lui dễ dàng, cho nên từ bi có ngăn cách, phước lợi có lệch lạc, trái với chánh pháp Đâu-đà bình đẳng. Bồ-tát thể theo đó mà biết tất cả pháp đều từ vô minh khởi lên, đều như huyễn hóa, hóa nên không phải là thật tướng. Như Phật đáp lời Đức Nữ rằng: “như huyễn không phải trong ngoài, mà hiện ra tất cả việc huyễn hóa.” Vô minh cũng thế, không phải trong ngoài mà có tất cả pháp. Nay thể theo ý có bốn trường hợp xét về sinh đều không thể được, tức xưa không sinh thì nay không diệt. Nếu xưa không sinh nay không diệt, thì không còn có sinh tử Niết-bàn để lấy bỏ, huống là có giàu nghèo dễ khó mà lấy bỏ ư? Đây là thâu suốt ý Trung đạo, vì lợi ích chúng sinh mà giao du cả chân tục nên đối với giàu nghèo khó dễ đều đến khát thực. Bồ-tát biết tất cả pháp đến ý tức không thì không thấy có đến và không đến. Các thứ khác như phân biệt về nhãn đã nói rộng như trong kinh Pháp Hoa.

Phần ba. Chỉ pháp chánh thực Từ “Ca-diếp” trở xuống. Văn cùng có hai phần: Chỉ về chánh thực và Giải thích lại.

- Chỉ về chánh thực, lại có hai: Nói về thể của ăn và nói về dụng của ăn.

Nói về thể của ăn, tức khát thực có tâm quấy, thật ra vì không biết pháp chánh thực. Do đó ở đoạn văn sau trách ngài Thân Tử rằng: “Phật nói tám giải thoát, nhân giả tuân làm đâu lại xen việc muốn ăn vào mà nghe pháp ư?”. Tám giải thoát của Tiểu thừa tức là chân pháp hỷ, nhưng không nương vào Phật tuệ bỏ tám tà vào tám giải thoát, tức giải thoát tư nghị nên không được thức ăn Đại thừa pháp hỷ. Vì vậy Đại kinh có nói: Tỳ-kheo các ông tuy hành khát thực mà chưa từng được pháp thực của Đại thừa. Nếu Bồ-tát luôn dùng Phật tuệ để thấy lý Trung đạo, không phải tà không phải chánh mà cả tà chánh đều giao tiếp, thì nhập vào tám giải thoát bất tư nghị, tức là chân pháp hỷ của Đại thừa. Song tà chánh mỗi thứ đều có lý và sự.

Về sự tà, tức căn bản vị thiên đều sinh ái kiến, tức là Tứ thiên Tứ không, nếu so với ma định quý thì cũng là chánh thiên, nếu so bối xả thì là sự tà.

Về lý tà. Là thấy tâm duyên với lý không chánh nên nói là tà, tức tà kiến, tà ngữ... tám thứ. Chánh có hai thứ, chánh sự tức là tám giải thoát phá sự tám tà. Về lý chánh, tức chánh kiến... tám thứ đối phá tám tà của lý duyên tám tà. Thanh văn không được Phật tuệ, tu tám bối xả đoạn bỏ sự tà tám thiên mới được tám giải thoát, là bỏ tám tà mà vào tám giải thoát. Tu tám Chánh đạo phá tám tà của duyên lý được vào kiến đế, ấy là lìa bỏ tà tướng mà vào chánh pháp, đều là tư nghị pháp hỷ, không phải là chân đại thừa pháp hỷ thực. Bồ-tát nương vào Phật tuệ không bỏ vị thiên sự tà mà tu bối xả, nhập vào tám giải thoát, tà không hại chánh, thành ba đế Tam-muội, tức là Đại thừa thiên duyệt. Lại thường quán tám tà mà vào vô tác bát chánh, tà không hại chánh, thành lý nhất tâm tam trí tam đế, tức là pháp hỷ đại thừa, đó gọi là pháp thực bình đẳng. Ca-diếp không như thế đến nỗi mới có lòng Từ không khắp. Còn Bồ-tát nhất quyết là hiểu biết cho nên được chân pháp hỷ thiên duyệt bất tư nghị. Tức là Vô duyên đại từ, giàu nghèo đều được lợi như vì một người, hay đông chúng đều như thế. Nếu đối với tất cả chúng sinh mà tâm không thiên lệch hay đối với thực có bình đẳng thì đối với pháp cũng bình đẳng.

Nói về dụng của ăn, từ “dĩ nhất... khả thực” Ngài Ca-diếp đã được pháp hỷ thiên duyệt tư nghị, đây không phải là cái dụng rộng lớn. Bồ-tát nương vào chân pháp hỷ thiên duyệt bất tư nghị giao tiếp có hai đế mà được bữa ăn về cả thể và xuất thế, cho nên luôn dùng một bữa ăn

mà thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và chúng Thánh hiền, cho đến một bát cơm ở cõi Hương Tích mà cả chúng ăn cũng không hết, đó là chân ứng cúng. Hay làm chân phước điền đáp ân thí chủ sau đó mới ăn. Nếu không được như thế trách sao trong tâm không nhận được bữa ăn thiên duyệt hư nguy. Ngoài không phải thật phước điền mà bỏ giàu nhận nghèo, khiến cho cả giàu nghèo đều không được phước lợi chân thật.

- Giải thích lại Từ “Như thị ...” trở xuống. Văn có hai phần: 1/ Ba lần giải thích thể của thực, 2/ Giải thích dụng của thực.

1/ Lần một giải thích thể của thực: Xét về lý tìm tà chánh không trở ngại nhau, nếu nương vào Phật tuệ thì không thấy có tà kiến, chánh kiến... tám thứ, cho nên nói không phải có phiền não, không phải là phiền não. Không phải có tức là Không thấy tà kiến... tám thứ. Không phải là tức là Không thấy chánh kiến... tám thứ, không phải nhập định ý, không phải khởi định ý.

Lần hai là giải thích tám tà tám chánh theo sự. Bồ-tát có tâm nương Phật tuệ nên không thấy có tám giải thoát, chín định, có thể nhập, nên nói không phải nhập định ý. Không thấy xuất nhập vị thiên và các tà định, nên nói không phải khởi định ý.

Hỏi: thì sao lý trước sự sau?

Đáp: Sự lý bất tư nghị không nhất định trước sau, không phải trụ thế gian cũng không trụ Niết-bàn.

Lần ba giải thích chung về sự lý. Bồ-tát tâm nương vào Phật tuệ không trụ vào sự tà, lý và cho nên nói không phải trụ thế gian. Không trụ vào sự chánh lý chánh mà nhập vào có, không hai thứ Niết-bàn, cho nên nói không phải trụ Niết-bàn.

2/ Giải thích dụng của thực “Kỳ hữu” đến “vi tổn” thường vì thí chủ làm chân thật phước điền. Người bố thí không có phước lớn hay phước nhỏ như chên Ca-diếp, không thể tâm trọng người nghèo vì có phước lớn nên cần tìm đến khát thực, tâm khinh người giàu vì có phước nhỏ mà không đến. Bồ-tát là thực điền vô thượng, nếu có thí thì đều vào Phật đạo đâu có lớn nhỏ khác nhau. Nếu xét lý mà giải thích, phước sinh vào Niết-bàn gọi là lớn, phước sinh vào cõi nhân thiên gọi là nhỏ, cho nên được chân phước điền không sinh kiến chấp hai biên lớn nhỏ.

Không làm lợi ích, không gây tổn hại, như chên ngài Ca-diếp, mà Ca-diếp cho là đến người nghèo không đến người giàu là tổn ích, thì kia đây đều tổn ích. Bồ-tát nương vào Phật tuệ không thấy tổn ích như thế, chỉ vì tâm Từ bình đẳng làm sáng tỏ lý pháp tánh không tăng giảm. Nếu

xét theo lý giải thích thì thì không làm ích lợi quả báo thế gian, không làm tổn hại cái tổn hại, khiến hết sinh tử mà được Niết-bàn hồi thân đoạn trí, đó là bố thí rất ráo.

Phân bốn, Kết khuyên cũng là chê trách: Khai Phật tri kiến vào sơ phát tâm tức là Phật một phần chân thật vậy.

Không nương vào Thanh văn: nếu là thuyết không liễu nghĩa mà nói thì không được quả Bồ-đề, nếu nương ý liễu nghĩa thuyết thì tạm vào Phật tuệ. Cho nên kinh pháp Hoa nói: Các người ấy nên dùng pháp đó mà dần dần vào Phật tuệ. Vì chẳng không ăn vật thí của người thì luôn dùng Vô duyên đại từ giàu nghèo cùng đến, tất cả đều khắp được lợi ích. Y vào Tứ đế Đại thừa đi khát thực nuôi thân chánh nhập xóm làng được chân pháp thực bất tư nghị, chân thật tức là tùy chỗ thí mà làm phước điền vô thượng Đại thừa, đó tức là chẳng không ăn vật thí của người.

Ba, Từ “Thời ngã... đến chi-Phật” là kể chuyện khi xưa nghe lời chê trách này mà ôm lòng kính sợ. Nghe ngài Ca-diếp kể lại những điều chê trách và chỉ bày pháp khát thực chân thật của ngài Tịnh Danh, các Bồ-tát thuở xưa chưa nghe nên đều khởi tâm cung kính tự hứa không có tâm như thế mà rèn phục giáo bốn khô, tức là làm sáng tỏ giáo bốn vinh của Như Lai.

Kết lời không kham: “Thế nên không dám đến thăm bệnh vì xưa bị ngài chê trách như thế, lúc đó không biết trả lời sao. Nay đâu dám lãnh ý chỉ Phật đến thăm bệnh.
